

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2022

V/v “Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Ngọc Kim T, sinh năm 1974 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Đỗ Đạt T (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2/ Chị Trần Thị H (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Đỗ Ngọc Kim T trình

bày: Ngày 14/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông Th. Về tài sản chung đương sự tự thỏa thuận. Đến ngày 06/4/2022 bà T có đơn yêu cầu chia tài sản chung, do không thể tự thỏa thuận được. Bà yêu cầu chia phần đất có diện tích 100m² và căn nhà trên đất, nếu ai sử dụng nhà đất thì hoàn lại giá trị phân nửa cho người kia. Còn tất cả tài sản khác vợ chồng đã thỏa thuận chia xong.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Trần Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thủ tục thẩm định và định giá: Khi giải quyết vụ án ly hôn giữa bà T và ông Th, do đương sự có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản tranh chấp. Ngày 29/9/2020 cơ quan chuyên môn (Công ty TNHH TVTK XD Hiện Đại) đã phát hành lược đồ thể hiện phần đất tranh chấp. Ngày 22/10/2020 Công ty Thẩm định giá Thống nhất đã phát hành chứng thư thẩm định giá tài sản. Sau đó, do đương sự rút yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản. Nay bà T có yêu cầu chia tài sản chung và đề nghị lấy kết quả đo đạc, định giá nêu trên làm cơ sở giải quyết. Đây là sự định đoạt của đương sự, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án ông Th không có ý kiến gì với yêu cầu của bà T, nên việc lấy kết quả đo đạc, định giá nêu trên làm căn cứ giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Bà T cho rằng hiện tại tài sản chung của bà và ông Th còn lại là 100m² đất và căn nhà trên đất tại ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành hiện do ông Trần Văn Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/01/2014. Tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2020 ông Th cũng thừa nhận “*Riêng căn nhà và 100m² đất thổ cư tôi thống nhất không chia vẫn để sử dụng chung*”. Như vậy các đương sự đã thừa nhận tài sản chung của bà T và ông Th tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nhưng chưa chia. Nay bà T có yêu cầu chia tài sản sau ly

hôn là phù hợp. Tại khoản 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch*”. Hiện căn nhà do bà T đang quản lý sử dụng từ lâu, nên cần thiết phải tiếp tục ổn định cho bà T sử dụng, bà T phải thanh toán cho ông Th phân nửa giá trị nhà và đất có diện tích 100m². Theo chứng thư định giá, giá trị căn nhà là 207.294.579 đồng; phần đất là 52.700.000 đồng. Công nhận nhà đất cho bà T thì bà T phải thanh toán lại cho ông Th số tiền là 129.997.000 đồng.

[4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Án phí chia tài sản: Bà T, ông Th phải chịu án phí trên số tài sản được chia mỗi người là 129.997.000 đồng x 5% = 6.499.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 53 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Xác định phần đất có diện tích 100m² và tài sản trên đất tại thửa đất số 1236 (ghi chú Ia) trên mảnh trích đo địa chính ngày 29/9/2020 của Công ty TNHH TVTK XD Hiện Đại là tài sản chung của bà Đỗ Ngọc Kim T và ông Trần Văn Th.

Công nhận phần đất có diện tích 100m² và tài sản trên đất tại thửa đất số 1236 (ghi chú Ia) trên mảnh trích đo địa chính ngày 29/9/2020 của Công ty TNHH TVTK XD Hiện Đại thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đỗ Ngọc Kim T. Buộc ông Trần Văn Th phải giao lại phần đất và tài sản trên đất đã được công nhận cho bà Đỗ Ngọc Kim T.

Buộc bà Đỗ Ngọc Kim T phải thanh toán lại cho ông Trần Văn Th số tiền 129.997.000 đồng (*một trăm hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí chia tài sản bà T, ông Th mỗi người phải chịu là 6.499.000 đồng (*sáu triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng*). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án

phí bà T đã đóng theo biên lai số 0010519 ngày 13/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà T phải nộp thêm 6.199.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh